

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 20-8-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thập

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20-8-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-DS ngày 27-6-2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 02-8-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số 89, phố L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân (văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ-HĐQT ngày 18-01-2017). Vắng mặt.

- Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại: (văn bản ủy quyền ngày 28-3-2018).

+ Ông Bùi Xuân P - Trưởng bộ phận xử lý nợ. Vắng mặt.

+ Ông Tạ Quang A - Cán bộ xử lý nợ. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn K - Cán bộ xử lý nợ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú: số 47/11, phố N, khu 6, thị trấn X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Z, xã GH, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-3-2018 và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08-01-2016, ông Nguyễn Văn H vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 56.000.000 đồng theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) số LD1600800129, khoản vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để tiêu dùng. Phương thức trả gốc và lãi: mỗi tháng ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 2.030.173 đồng và tiền lãi vào ngày 08 hàng tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng giải ngân đủ số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 975.068 đồng, tiền lãi 2.955.908 đồng, tiền phạt chậm trả 85.005 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 08-3-2016, đến ngày 20-8-2018 (ngày xét xử sơ thẩm), ông H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 55.024.932 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn là 61.515.894 đồng, tiền phạt chậm trả là 37.707.861 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu buộc ông H thanh toán khoản tiền phạt chậm trả tính đến ngày 20-8-2018 là 37.707.861 đồng và tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 21-8-2018 đến khi ông H thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán là tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 20-8-2018 là 116.540.826 đồng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, ông H còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng không yêu cầu vợ ông H là chị Nguyễn Thị L phải liên đới thanh toán trả nợ cho Ngân hàng vì không liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thông nhất nội dung trình bày của Ngân hàng liên quan đến quá trình vay nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông không nhớ khoảng thời gian nào đã trả được một số tiền (không nhớ cụ thể bao nhiêu) cho Ngân hàng. Từ đó đến nay, ông không thanh toán thêm khoản nào cho Ngân hàng. Đến nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền còn nợ gốc, các khoản tiền lãi phát sinh, tiền phạt chậm trả thì ông nhất trí.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không có khả năng trả nợ ngay. Việc ông vay nợ Ngân hàng để chi tiêu riêng cá nhân, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về nội dung yêu cầu ông H thanh toán tiền phạt chậm trả tính đến ngày 20-8-2018 là 37.707.861 đồng và tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 21-8-2018 đến khi ông H thanh toán hết các khoản nợ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1600800129 đã ký. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc ông Nguyễn Văn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20-8-2018 là: nợ gốc 55.024.932 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn 61.515.894 đồng, tổng là 116.540.826 đồng. Kể từ ngày 21-8-2018, ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1600800129 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

Về án phí: Ông H phải chịu 5.827.041 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08-01-2016, ông H ký Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng, mục đích sử dụng vay tiêu dùng, không có mục đích lợi nhuận. Do bên vay tiền là ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H trả nợ tiền gốc, tiền lãi, phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông H có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Hải Dương nên theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H thanh toán khoản tiền phạt chậm trả tính đến ngày 20-8-2018 là 37.707.861 đồng và tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 21-8-2018 đến khi ông H thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số LD1600800129: Ngày 08-01-2016, ông H vay Ngân hàng số tiền 56.000.000 đồng, Ngân hàng giải ngân bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H tại Ngân hàng số tiền 56.000.000 đồng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, giữa bên cho vay Ngân hàng và bên vay tiền ông H thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 121, 122, 124 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Đối chiếu với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, lịch trả nợ, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì ông H đã vi phạm về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại điểm a khoản 1 Điều 8 Mục B của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn là có căn cứ. Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thông tin dư nợ về khoản tiền vay của ông H phải trả từ thời điểm phát sinh khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20-8-2018 thì số tiền ông H còn nợ Ngân hàng là: Nợ gốc còn lại là 55.024.932 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 61.515.894 đồng. Bị đơn ông H nhất trí thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa trả được.

Xét việc ông H vay tiền của Ngân hàng mục đích tiêu dùng, đã chi tiêu cá

nhân, vợ ông H là chị L không biết và không được sử dụng số tiền do ông H vay, nay Ngân hàng không yêu cầu chị L phải liên đới trả số nợ trên nên chị L không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khoản vay nợ của ông H. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cần buộc ông H phải trả Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 20-8-2018 tổng là 116.540.826 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 21-8-2018 đến ngày ông H trả nợ xong cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, ông H phải chịu 5.827.041 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về nội dung yêu cầu ông H thanh toán tiền phạt chậm trả tính đến ngày 20-8-2018 là 37.707.861 đồng và tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 21-8-2018 đến khi ông H thanh toán hết các khoản nợ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1600800129 đã ký. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Văn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20-8-2018 là: Nợ gốc 55.024.932 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn 61.515.894 đồng, tổng là 116.540.826 đồng. Kể từ ngày 21-8-2018, ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1600800129 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.827.041 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002963 ngày 21-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Văn K nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh